

Mật Tạng Bộ 1 _ No.850 (Tr. 65_ Tr. 68)

KINH NHIẾP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT
THẦN BIỂN GIA TRÌ NHẬP LIÊN HOA THAI TẶNG HẢI HỘI
BI SINH MẠN TRÀ LA
QUẢNG ĐẠI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ
CÚNG DƯỜNG PHƯƠNG TIỆN HỘI
QUYỂN THỨ NHẤT

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BA CA LA (Śubhakarasiṃha: Thiên Vô Úy) phụng chiếu dịch.

Đệ tử được truyền là NHẤT HẠNH cầm bút ghi, trao cho Tỳ Kheo BẢO
NGUYỆT dịch ra ngữ âm.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Cúi lạy **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha)

Hé mở mắt tịnh như sen xanh

Ta y **Đại Nhật Kinh Vương** nói

Cúng dường *Sở Tư* (chỗ nương nhờ) mọi Nghi Quỹ

Làm thành thứ tự **Pháp Chân Ngôn** (Mantra-dharma)

Như thế sẽ được mau thành tựu

_ Lại khiến Bản Tâm lia như bản

Nay Ta tùy **Yếu Lược** tuyên nói

Muốn ở đời này vào **Tất Địa** (Siddhi)

Tùy nơi tướng ứng, mà suy nghĩ

Theo **Tôn** được trao truyền **Minh Pháp** (Vidya-dharma)

Quán sát tướng ứng, làm thành tựu

_ Trước lễ Tôn **truyền Giáo Quán Đỉnh**

Thỉnh bạch Chân Ngôn, nơi sửa nghiệp

Bậc Trí được Thầy cho phép xong

Y theo địa phận, chôn thích hợp

Ở khoảng sườn vách, cạnh đỉnh núi

Mọi nơi hang động giữa hai núi

Hoặc chỗ Như Lai, Thánh Đệ Tử

Trước kia đã từng trú ngụ qua

Chùa, Tháp, **Lan Nhã** (Araṇya), nhà Tiên xưa

Nên chọn nơi Tâm mình ưa thích

Xót thương Hữu Tình, vẽ Đàn lớn

Tiếp phụ Như Lai mở **mắt Pháp** (Pháp Nhãn: Dharma-cakṣu)

Hay độ Người, Trời, vô lượng Chúng

Tức là **Như Lai Thắng Sinh Tử** (Con Thắng Sinh của Như Lai)

Đủ sức **Tịnh Tuệ** hay kham nhẫn

Tinh tiến chẳng cầu các **Thế Gian** (Loka, hay Laukika)

Đêm đó phóng túng đã sinh tội

Ăn cần hoàn tịnh đều **hối trừ** (ăn năn trừ bỏ tội)

Tâm mắt nhìn quán kỹ, hiểu thấu

Năm Luân sát đất mà làm lễ.

_ Quy mệnh **Chính Đẳng Giác** mười phương

Ba đời tất cả đủ ba Thân

Quy mệnh tất cả **Pháp Đại Thừa**

Quy mệnh Chúng **Bất Thoái Bồ Đề**

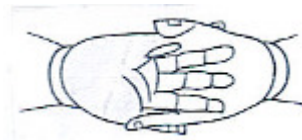
Quy mệnh các **Minh (Vidya)**, lời chân thật

Quy mệnh tất cả các **Mật Ấn (Guhya-mudra)**

Dùng nghiệp thanh tịnh Thân, Khẩu, Ý

Ấn cần vô lượng cung kính lễ.

1. Tác lễ phương tiện Chân ngôn là: (dùng Trì Địa Ấn bên dưới)



“Ấn (1) năng mô tát phộc đất tha nghiệt đa (2) ca gia, phộc khát-chất đa (3) phộc nhật-la, tông na nan, ca lỗ nhĩ (4)”

ॐ नमः सर्व तथगत कया वाकचित्त वाज्र

OM NAMO SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA VAJRA VANDANĀM KARA UMI.

Do lời chân thật tác lễ này

Liên hay lễ khắp Phật mười phương.

Quỳ gối phải xuống, hợp chưởng móng

Suy tư sám hối tội nghiệp xưa

“Con do Vô Minh đã gom chứa

Nghiệp Thân Khẩu Ý tạo mọi tội

Tham dục, Giận, Mê che lấp Tâm

Nơi Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh Tăng

Cha mẹ hai Thầy, Thiện Tri Thức

Cùng với vô lượng các chúng sinh

Trôi trong sinh tử từ vô thủy

Tạo đủ tội cực nặng vô tận

Đối trước mười phương Phật hiện tại

Thầy đều sám hối, không tái phạm”.

2. Xuất tội phương tiện Chân ngôn là: (Phổ thông)



“Ấn (1) tát phộc bá bà tát-phổ tra (2) ná hạ năng phộc nhật-la dã (3) sa-phộc hạ (4)”

ॐ नमः सर्व पाप शोषा दाहाना वाज्राया - स्वहा

OM SARVA PĀPA SHOṬA DAHANA VAJRĀYA - SVĀHĀ

— “*Nam mô mười phương Phật ba đời*
Ba loại thường gần Tạng Chính Pháp
Chúng Đại Tâm Bồ Đề Thắng Nguyên
Nay con đều chân chính quy y”

3. **Quy y phương tiện Chân Ngôn** là: (Phổ Thông)



“**Án (1) tát phộc một đà, mạo địa tát-đát-tông (2) thiết la noãn nghiệt tha nhĩ (3) phộc nhật-la đạt ma (4) hột-ly (5)**”

ॐ स र्व बु द्ध ा बो धि स्त्व ा म - श रा ण ा म ग ा च्छ ा मि

☞ OM SARVA BUDDHĀ BODHI STVAṀ - ŚARAṆAṀ GACCHAMI
— VAJRA-DHARMA HRĪḤ

— “*Con tịnh thân này lìa bụi nhơ*
Cùng thân miệng ý của ba đời
Số nhiều hơn bụi hơn biển lớn
Phụng hiến tất cả các Như Lai”

4. **Thí Thân Phương Tiện Chân ngôn** là (Thân đồng với tướng Chày Độc Cổ)



“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bồ nhạ, bát-la phộc lý-đa năng dạ đát-ma nam (3) niết lý-dã đã dạ nhĩ (4) tát phộc đất tha nghiệt đa thất-giã địa để sắt-xá đăm (5) tát phộc đất tha nghiệt đa nhạ nan mê (6) a vị thiết đô (7)**”

ॐ स र्व बु द्ध ा बो धि स्त्व ा म - श रा ण ा म ग ा च्छ ा मि
म ि त्त ि य ा त ा य ा मि - स र्व त ा त्हा ग ा त ा ष्छ ा म

☞ OM SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTĀNĀYA -
ATMĀNĀM NIRYĀTA YĀMI - SARVA TATHĀGATĀŚCA
ADHITIṢṬATAM - SARVA TATHĀGATA-JÑĀNA ME ĀVIŚATU

— *Tâm Tịnh Bồ Đề, báu Thắng Nguyên*
Nay con phát khởi cứu quần sinh
Sinh khổ đặng tập ràng buộc thân
Cùng với Vô Tri hại đến thân
Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát
Thường làm lợi ích các Hàm Thức (satva)

5. **Phát Bồ Đề Tâm Phương Tiện Chân ngôn** là (Phộc Án)



“**Án (1), mạo địa tức đa (2) tam mẫu đất bá ná dạ nhĩ (3)**”

ॐ व॒ध॒सि॒र॒सु॒सु॒र॒य॒मि

☞ OM_ BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

— “*Trong vô lượng Thế Giới mười phương*

*Các **Chính Biến Tri**, **Chúng Đại Hải***

Mỗi mỗi sức phương tiện khéo léo

*Với các **Phật Tử** vì **Quần Sinh***

*Bao nhiêu **Phước Nghiệp** đã tu tập*

Nay con tùy hỷ hết tất cả”

6. Tùy Hỷ Phương Tiện Chân ngôn là (Quy mệnh Hợp chương)



“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bố nhạ, nhạ năng nỗ mẫu ná năng (3) bố nhạ, mê già, tam mẫu nại-la (4) sa-phả la noa, tam ma duệ (5) Hồng**”

ॐ स॒र्व॒त॒थ॒ग॒त॒पु॒ण्य॒ज्ञाना॑ अनु॒मु॒द॒ना॒

☞ OM_ SARVA TATHĀGATA PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA
PŪJA MEGHĀ SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

— “*Nay con khuyến thỉnh các **Như Lai***

Bồ Đề Đại Tâm**, **Đấng Cứu Thế

*Nguyện xin khắp cả **Giới mười phương***

*Thường kéo mây lớn tuôn mưa **Pháp**”*

7. Khuyến thỉnh phương tiện Chân Ngôn là:



“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) thê sái ninh, bố nhạ, mê già, sa mẫu nại-la (3) sa-phả la noa, tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स॒र्व॒त॒थ॒ग॒त॒वृ॒षभ॑ अनु॒मु॒द॒ना॒

☞ OM_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

— “*Nguyện khiến nơi **Phàm Phu cư trú***

***Mau buông** mọi khổ bám trên thân*

*Sẽ được đến nơi không như bản (**Vô Cấu Xứ**)*

*An trụ **thân Pháp Giới** thanh tịnh”*

Vào Phật Tam Muội Gia



10. Tam Muội Gia Chân Ngôn:

“**N**ăng mô tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ đượ (1) vĩ thấp-phộc mục khế tỳ đượ (2) **Án**, a tam mê (3) để-lý tam mê (4) tam ma duệ (5) sa-phộc hạ”

ॐ नम सव नएतएतुः (वैश्व सुवतुः ॐ नमस वैसमससमस
सुन ५

ॐ NAMO SARVA TATHĀGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ -
OM - ASAME TRISAME SAMAYE - SVĀHĀ

Vừa kết Mật Án này

Hay tịnh **Như Lai Địa** (Tathāgata-bhūmi)

Mãn **Địa** (Daśa-bhūmi: mười Địa), **Ba La Mật** (Ṣaḍ-pāramita: Sáu Ba La Mật)

Thành **ba Pháp Giới đạo** (Giới Đạo của ba Pháp)

Các Mật Án còn lại

Án Phẩm thứ tự nói.

_Tiếp, kết **Pháp Giới Sinh**

Tiêu biểu của Mật Tuệ

Vì tịnh thân khẩu ý

Chuyển khắp cả thân mình

Tay Bát Nhã (Tay phải) Tam Muội (Tay trái)

Đều nắm Kim Cương Quyền

Hai Không (2 ngón cái) trong lòng tay

Phong Tràng (2 ngón trỏ) đều thẳng đứng



Như vậy là Bí Án

Của **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) thanh tịnh

11. **Pháp Giới Sinh Chân Ngôn:**

“**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **LAM**, đạt ma đà đồ (2) sa-phộc bà phộc cú hàm (3)”

नमः सम न व ह नं नं नं नं नं नं नं नं नं नं ५

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM- RAM _ DHARMA-DHĀTU
SVABHĀVAKA UHAM

Như Tự Tinh Pháp Giới

Mà quán Thân của mình

Hoặc dùng **Chân Thật Ngôn**

Chuyển ba lần, tuyên nói

Sẽ thấy trụ **Pháp Thể**
Không dơ như Hư Không
Uy lực **Chân Ngôn Ấn**
Gia trì Hành Nhân nên
Khiến kẻ ấy kiên cố

_ Quán *Tụ Cháp Kim Cương* (Thân mình là **Cháp Kim Cương**)

Kết Ấn Kim Cương Trí

Tay Chỉ (tay trái) Quán (tay phải) chung lưng
Luân Địa (ngón út) Thủy (Ngón Vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)
Trái phải trợ lẫn nhau
Hai Không (2 ngón cái) đều xoay chuyên
Hợp ở trong Tuệ chưởng (lòng bàn tay phải)



Đây gọi là **Pháp Luân**

Tối Thắng Cát Tường Ấn

Người đó chẳng bao lâu
Đồng với Đấng Cứu Thế
Uy lực Chân Ngôn Ấn
Người Thành tựu sẽ thấy
Thường như chuyển **Bảo Luân** (Ratna-cakra: bánh xe báu)
Mà chuyển **Đại Pháp Luân** (Mahā-dharma-cakra)

12. Kim cương Tát Đỏa Chân Ngôn:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) phộc nhật-la đất-ma cú hàm**

(2)”

ॐ नमो सामन्तावज्रानाम् - वज्रात्मका उहाम्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - VAJRA ATMAKA UHAM

Tụng Chân Ngôn này xong

Thường trụ ở **Đẳng Dẫn** (Samāhita)

Đế quán (quán sát kỹ lưỡng) Ta, thân này

Tức là **Cháp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

Vô lượng chúng Thiên Ma

Các loài khi nhìn thấy

Như **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajrasatva)

Đừng sinh Tâm nghi hoặc

_ Tiếp hoàn *Kim Cương Giáp* (Mặc áo giáp Kim Cương)

Thường quán nơi khoác mặc

Khấp Thể sinh ánh lửa

Dùng đũa trang nghiêm thân

Các **Ma** (Māra), loài gây chướng (Vināyaka)

Với loài Tâm ác khác

Nhìn thấy chạy tứ tán



15. Đại Hộ Chân Ngôn là:

“Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc bà dã vĩ nga đế tỳ-dược (2) vĩ thấp-phộc mục khế tỳ-dược (3) tát phộc tha (4) hàm khiếm (5) la khát-sái, ma hạ mặt lệ (6) tát phộc đất tha nghiệt đa (7) bôn nê-dã nễ tả đế (8) hồng hồng (9) đất-la tra đất-la tra (10) a bát la để tư đa (11) sa-phộc ha ”

ॐ मः सक् गल्गगत्रुः सक् रुद्य अगगत्रुः अश्व सुश्वत्रुः सक्त्स
कुंत्स इक् मकुवत्स सक् गल्गगत्रुः पुत्र अरुग हुं हुं सद् सद् सद्
सुप्रगदुगत्रुः सुद +

ॐ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA
VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVĀTHĀ HAṀ KHAṀ
RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJĀTE HŪM
HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHAṬE SVĀHĀ

Do vừa mới nghĩ nhớ
Các **Vĩ Năng Dạ Ca** (Vināyaka)
Nhóm **La Sát** (Rākṣasa) hình ác
Tất cả đều chạy tan

_ Trước mặt quán chữ LA (३ _ RA)
Đủ điểm rộng nghiêm sức (३ - RAM)
Là *Tịnh Quang Diễm Man* (Vòng lửa của ánh sáng thanh tịnh)
Đỏ như mặt trời sớm
Niệm: Tiếng, Nghĩa chân thật
Hay trừ tất cả Chướng
Giải thoát **ba Độc Cấu** (Bợn nhờn của ba Độc)
Các Pháp cũng như thế
Trước tự tịnh Đất Tâm
Tiếp, tịnh đất Đạo Trường
Như nơi giữ Kim Cương (Kim Cương sở trì)
Đất này cũng như vậy
Bạc Du Già (Yogī) *Đế Quán* (Chân thành xem xét kỹ)
Năm Luân rất *thâm mật* (Bí mật sâu xa)
_ Thoạt đầu, ở *hạ vị* (vị trí bên dưới)
Suy tư **Phong Luân** (Vāyu-cakra) kia
Nơi an trú chữ HA (३)
Màu đen tuôn ánh lửa
Tức Chân Ngôn ấy là:

16. “Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Hàm”

ॐ मः सस ग व ह न्द्रुं कुं

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HAṀ

_ Tiếp, trên đặt **Thủy Luân** (Varuṇa-cakra)
Màu sắc như sữa tuyết
Nơi an trú chữ Phộc (३ - VA)

Ánh điện, **Trăng** (Candra:Mặt trăng), **Pha Chi** (Sphaṭika: Đá báu như thủy tinh)

Tứ Chân Ngôn ấy là:

“**Tông**” (Quy mệnh giống như trước)

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAM

_ Lại ở trên Thủy Luân

Quán làm **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)

Tượng đặt chữ ban đầu (Bản sơ tự: ॐ - A)

Bốn phương toàn màu vàng

Tứ Chân Ngôn ấy là

“**A**” (Quy mệnh giống như trước)

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - A

Luân đó như **Kim Cương** (Vajra)

Tên **Đại Nhân Đà La** (Mahendra)

Ánh lửa màu vàng trong

Tràn ngập tuôn chảy khắp

Ở trong đáy suy tư

Đạo Sư, các Phật Tử

Trong nước quán sen trắng

Cộng Kim Cương xinh đẹp (diệu sắc)

Tám cánh đủ râu nhụy

Mọi báu tự trang nghiêm

Thường tuôn vô lượng quang

Trăm ngàn sen vây quanh

_ Trên ấy lại quán tượng

Tòa **Đại Giác Sư tử**

Bảo Vương dùng trang sức

Ngay trong cung điện lớn

Cột báu xếp thành hàng

Khắp nơi có phương lọng

Các chuỗi ngọc xen nhau

Rũ treo áo báu đẹp

Chung quanh mây hương hoa

Cùng với mọi mây báu

Tuôn mưa mọi loại hoa

Thơm phức trang nghiêm đất

Tiếng hòa vận êm tai

Mà tâu các âm nhạc

_ Trong cung tượng *Tĩnh diệu* (trong sạch màu nhiệm)

Hiền Bình (Bhadra-kumbha) với **Át Già** (Argha)

Cây Vua báu nở hoa

Đèn **Ma Ni** (Maṇi) soi chiếu

Tam Muội (Samādhi), đất Tổng Trì

Thê Nữ (cung nữ) của Tự Tại

Phật, Ba La Mật đẳng

Cũng lợi các chúng sinh
Giống như **Đại Nhật Tôn**
Bạc Du Già quán sát
Một Thân và hai Thân
Cùng nhập vào **Bản Thể**
Lưu xuất cũng như vậy
Tùy nơi ưa muốn đó
Y Pháp trước mà chuyển

Triệu dùng **ba Bộ Tâm**
Phong (ngón trỏ) *Câu* (cong như móc câu) liền gia thỉnh



Vì khiến Tâm vui vẻ
Phụng hiến *Ngoại Hương Hoa*

Tiếp kết **Đồ Hương Ấn**
Quán Chưởng (lòng bàn tay phải) hướng ngoài dựng
Chỉ Vũ (Tay trái) nắm Hữu Quán (Tay Phải)



Tâm tưởng mây **hương xoa** (Gandha: Đồ hương)
Trong mát khắp Thế Giới

Đồ Hương Chân Ngôn là:

18. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ thú đà kiện độ nạp-bà phộc
dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIŚUDDHA-GANDHA
UDBHAVĀYA - SVĀHĀ

Tiếp nói (minh: tỏ rõ, biết rõ) **Phụng Hoa Ấn**
Tám ngón *nội tương xoa* (cài chéo nhau bên trong)
Uyển hợp (hợp cổ tay) Phong đầu trụ (2 đầu ngón trỏ dính nhau)
Ấn như thể bụm hoa



19. *Chân Ngôn* là:

“**N**ăng **m**ạc **t**am **m**ãn **đ**a **m**ột **đ**à **n**am (1) **m**a **h**ạ **m**uội **đ**át **l**ý-**đ**ã (2) **t**ỳ-**d**ữu **ô**t
nga **đ**ể (3) **s**a-**p**hộc **h**ạ”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् महा-मैत्र्या

↳ **N**AMAH SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-MAITRYA
ABHYUDGATE - SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Thieu Hương Ấn**

Sáu ngón giáp lưng trong

Hai đầu Phong (ngón trỏ) hợp cạnh

Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trỏ)



20. *Chân Ngôn* là:

“**N**ăng **m**ạc **t**am **m**ãn **đ**a **m**ột **đ**à **n**am (1) **đ**ạt **m**a **đ**à **đ**ồ **n**oa **n**ghiệt **đ**ể (2) **s**a-
phộc **h**ạ”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् धर्म-धतु

↳ **N**AMAH SAMANTA-BUDDHĀNĀM - DHARMA-DHĀTU
ANUGATE - SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Ấm Thực Ấn**

Hai Địa (ngón út) cùng dính cạnh

Thủy (Ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) hợp đầu

Không (ngón cái) phụ ở dưới Phong (ngón trỏ)

Giống như hình Thực Khí (vật đựng thức ăn)

Hợp cổ tay dâng hiển



21. *Chân Ngôn* là:

“**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A la la (2) ca la la (3) ma lân nại nê (4) ma ha ma lý (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अरारा करारा बलिम

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ARARA KARARA BALIṀ DADE, MAHĀ-BALIḤ - SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Đăng Minh Ấn**

Quán Quyền (quyền phải) dựng Hỏa Luân (ngón giữa)

Không (ngón cái) trụ lóng dưới Hỏa (ngón giữa)



Vận tướng vô biên Cõi

Mỗi mỗi trước chư Phật

Sáng tỏ làm Phật Sự

22. *Chân ngôn* là:

“**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) dát tha nghiệt da lật chỉ (2) sa-phả la noa, phộc bà sa ná (3) nga nga nhu ná lý-dã (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अर्चिता गगना उदर्या स्वर्गा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA ARCI SPHARAṆA VABHĀSANA GAGANA UDĀRYA - SVĀHĀ

_ Tiếp, quỳ thẳng lưng, **Phổ Thông Chưởng**



Tán dương Phước Trí của Như Lai

Đây đã khen ngợi *Sát Trần chúng*

Vì cầu **Tất Địa** (Siddhi) phát *thanh âm* (tiếng trong trẻo)

Ấn cần bái xướng, ba đến bảy

Tiếp tụng câu **Cát Khánh Già Tha**

Hoặc năm hoặc bảy, dưới đến ba

Cảnh giác chư Tôn phát vui vẻ

23. *Chân ngôn* là:

“Phộc nhật-la tát đát-phộc, tăng nga-la hạ (1) Phộc nhật-la la đát-năng, ma nõ đát-lam (2) Phộc nhật-la đạt ma, nga dã nại (3) Phộc nhật-la yết ma, ca lồ bà phộc (4)”

ॐ वज्रसत्त्वं संवत्सरात्सत्त्वं मयं वं वज्रदत्तं त्रयं वज्रकर्म कृतं वत्स

☞ VAJRA-SATVA SAMGRĀHA - VAJRA-RATNA MANU TRAM VAJRA-DHARMA GAYADO - VAJRA-KARMA KALOBHAVA

_ Tiếp hiển **Át Già Ấn**

Chỉ Quán (2 tay) chấp Liên Hoa (Liên Hoa Hợp chuông)

Mở Phong (ngón trỏ) phụ lóng Hỏa (ngón giữa)

Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trỏ)



Quy: Trước, phải, sau, trái

Đưa Ấn đến vàng trán

Ba lần dâng **Thánh Thiên**

Trong Tâm có mong cầu

Tùy hiển đều trình thưa (khải bạch)

Sẽ được **địa Vô Cấu** (Amala-bhūmi)

Định (Samādhi) *Ly Nã Thanh Lương*

24. Át Già Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la ná ca tra, Hồng**” (như cầu, chí nguyện 3 lần tập, Bách Tự Minh)

ॐ वज्रसत्त्वं

☞ OM - VAJRA UDAKATA - HŪM

[Bản khác ghi là: **Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Nga nga năng tam ma tam ma, sa phộc hạ**]

ॐ नमः समं व दत्तं त्रयं वज्रसत्त्वं वत्स

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA SAMA ASAMA - SVĀHĀ]

_ Tiếp cầm chày Kim Cương

Rút ném, rung chuông vàng

Liên thêm **chuyên Pháp Luân**

Đế Tướng (chân thành tướng) **Chấp Kim Cương**

Như ở **Pháp Giới Tính**

Thường trụ **Tâm Bồ Đề**

_ Tiếp kết **Phương Ngung Ấn**

Dùng Thánh **Bất Động Tôn** (Acala)



Chuyển trái thành **Tịch Trừ**
Chuyển bên phải, trên, dưới
Chạm khắp chi phần Thân
Kết hộ đều kiên lao (bền chắc không thể phá)
Chân Ngữ, **mẫu đà la** (Mudra: Ân)
Như dưới nên phân biệt
_ Đã nghiêm bị xong rồi
Nên bày **Căn Bản Khế**
Lại gia trì năm nơi
Chuyển bảy lần hoặc ba
Bụng Ân, mở trên đỉnh
Bán già, Chính Thân ý
Hoặc tác *tương ứng Tọa* (cách ngồi tương ứng)
Tùy phương như Giáo nói.
_ Chính diện trụ trước Thân
_ Quán một Tượng *Viên Minh* (tròn trịa sáng tỏ)
Trong sạch không tỳ vết
Giống như vành trăng đầy
Trong có hình Bản Tôn
Diệu sắc hơn ba Cõi
Thân khoác áo lụa mỏng
Mão báu, râu tóc xanh
Tịch Nhiên Tam Ma Địa
Lửa sáng hơn ánh điện
Giống như trong gương trong
Thăm thẳm hiện chân dung
Mừng giận hiển hình sắc
Nhóm *Táo Trì, Dữ Nguyên*
Chính Thọ tương ứng Thân
Tâm sáng tỏ không loạn
Vô Tướng Tịnh Pháp Thể (Thể của Pháp Thanh tịnh không có Tướng)
Nên nguyện cứu quần sinh
Nhũ Phong (ngón trở ở vú) làm bốn Ân
Tùy một, làm thành tựu
Tu hành đủ sáu tháng
Thần Thông lên xuống nhẹ
An trụ **Như Lai Câu**
Bày chữ như dưới nói
Hỏa Sinh Chướng Thánh Giả
Vô Động Tôn Chân Ngôn (như Quyển Trung nói rõ)

NHIỆP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA CÚNG DƯỜNG PHƯƠNG TIỆN NGHI QUỶ
_ QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)_